TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Giồng Riềng
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 178/2025/HNGĐ- ST
Ngày 27/03/2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Võ Minh Tuấn**
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Đ,** sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp X C, xã H T, huyện G R, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**:** Ông **Lê Văn U**, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp X C, xã H T, huyện G R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Đ trình bày: Tôi và anh Lê Văn U chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới, vợ chồng không có tìm hiểu mà do mai mối mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, đá gà, rượu chè, về đến nhà thì anh U kiếm chuyện chửi bới tôi, đánh đập, hành hạ tôi, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau, tôi có khuyên bảo anh U nhiều lần nhưng anh U không nghe, vẫn chứng nào tật ấy, thậm chí anh U còn đuổi tôi và con trai ra khỏi nhà từ năm 2022. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc. Tôi và anh U đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

Cháu Lê Hồng N, sinh năm 2000, hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Cháu Lê Văn N, sinh năm 2002, hiện nay cháu đã trưởng thành và chung sống với tôi.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận.
- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn U.

Về quan hệ con chung: Cháu Lê Hồng N và cháu Lê Văn N đã trưởng thành.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn ông Lê Văn U trình bày**: Theo bản tự khai ngày 14 tháng 03 năm 2025 của ông Lê Văn U trình bày: Tôi và bà Lê Thị Đ chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới, vợ chồng không có tìm hiểu mà do mai mối mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì tôi và vợ tôi có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, tôi vẫn còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên nếu bà Đ cương quyết xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với bà Đ.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

Cháu Lê Hồng N, sinh năm 2000, hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Cháu Lê Văn N, sinh năm 2002, hiện nay cháu đã trưởng thành và chung sống với bà Đậm.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận.
- Về nợ chung: Không có.

Tại Toà án ông U yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Đ.

Về quan hệ con chung: Cháu Lê Hồng N và cháu Lê Văn N đã trưởng thành.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** ông Lê Văn U với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông U vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy ông U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ông U đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông U là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn U là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì bà Đ và ông U chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông U không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì bà Đ và ông U chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông U là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung**: do bà Đ và ông U tự thoả thuận về tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]**Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: bà Lê Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009245 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Bà Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn U là vợ chồng.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Đ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009245 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Bà Đ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Lê Thị Đ biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Lê Văn U biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Riềng.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật